

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công quý I năm 2021

Thực hiện Công văn số 1141/VPCP-KTTH ngày 22/02/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc chuẩn bị nội dung phục vụ Hội nghị giao ban trực tuyến hàng quý của Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, cơ quan và địa phương nhằm đôn đốc đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công năm 2021, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình giải ngân vốn đầu tư công trong quý I năm 2021 như sau:

1. Kế hoạch vốn

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 Trung ương giao cho tỉnh Quảng Ngãi là **3.585,776** tỷ đồng¹, bao gồm:

+ Vốn ngân sách địa phương là 2.588,630 tỷ đồng (bao gồm vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 950 tỷ đồng).

+ Vốn ngân sách Trung ương là 997,146 tỷ đồng.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 địa phương giao là **5.235,776** tỷ đồng, cụ thể:

+ Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 4.238,630 tỷ đồng (bao gồm vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 2.600 tỷ đồng). Kế hoạch vốn tỉnh giao cao hơn so với Thủ tướng Chính phủ giao 1.650 tỷ đồng (từ nguồn thu sử dụng đất).

+ Vốn ngân sách Trung ương là: 997,146 tỷ đồng.

Đến nay, tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 được địa phương phân bổ chi tiết cho các dự án đủ điều kiện là **4.103,059** tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn ngân sách địa phương **3.295,913** tỷ đồng:

+ Vốn cân đối NSDP theo tiêu chí, định mức là 1.232,979 tỷ đồng;

+ Vốn Xổ số kiến thiết là 40 tỷ đồng;

+ Vốn Quỹ đất là 2.022,934 tỷ đồng;

- Vốn ngân sách Trung ương là **807,146** tỷ đồng.

¹ Tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021.

+ Vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu (vốn trong nước) là 650,820 tỷ đồng.

+ Vốn nước ngoài (ODA) là 156,326 tỷ đồng.

2. Dự kiến giá trị giải ngân vốn

Đến ngày 31/3/2021, ước giải ngân **806,03 tỷ đồng**, bằng 19,6% kế hoạch đã phân khai, trong đó:

- Vốn ngân sách địa phương 569,058 tỷ đồng, bằng 17,3% kế hoạch:

+ Vốn cân đối NSDP theo tiêu chí, định mức 284,898 tỷ đồng, bằng 23,1% kế hoạch.

+ Vốn Quỹ đất 277,359 tỷ đồng, bằng 13,7% kế hoạch.

+ Vốn Xổ số kiến thiết 6,8 tỷ đồng, bằng 17% kế hoạch.

- Vốn ngân sách Trung ương 236,972 tỷ đồng, bằng 29,4% kế hoạch:

+ Vốn NSTW bổ sung có mục tiêu (vốn trong nước) 228,972 tỷ đồng, bằng 35,2% kế hoạch.

+ Vốn nước ngoài (ODA) 8 tỷ đồng, bằng 5,1% kế hoạch.

3. Một số khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công năm 2021

Trong 3 tháng đầu năm 2021, tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu tập trung giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021 và các dự án chuyển tiếp được bố trí kế hoạch vốn năm 2021. Đối với các dự án khởi công mới, hiện nay các chủ đầu tư đang triển khai các bước lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức đấu thầu... Dự kiến đến cuối tháng 3/2021 sẽ hoàn chỉnh thủ tục đầu tư, tổ chức thi công công trình; do đó, trong quý I/2021, các dự án khởi công mới chưa có khối lượng thanh toán và giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 được giao.

4. Một số giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2021

Ngay từ đầu năm, triển khai Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã kịp thời ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 09/01/2021; trong đó, giao tiến độ và nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư với quyết tâm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2021. Ngoài ra, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 642/VPCP-KTTH ngày 26/01/2021 về việc đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư năm 2021; UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Công văn số 645/UBND-TH ngày 09/02/2021 yêu cầu các cơ quan, đơn vị tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các giải pháp đẩy mạnh giải

ngân vốn đầu tư công năm 2021 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tổ chức họp trực báo đầu tư công hàng tháng để kịp thời nắm bắt, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các Chủ đầu tư, nhất là vướng mắc về thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán vốn đầu tư,...

- Đối với các dự án đã quyết toán, hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng: yêu cầu hoàn chỉnh thủ tục để thanh quyết toán dự án chậm nhất trong quý I năm 2021.

- Đối với dự án chuyển tiếp: Phải triển khai thi công ngay từ những ngày đầu năm 2021, có khối lượng và giao dịch với Kho bạc Nhà nước để giải ngân vốn chậm nhất trong quý I năm 2021

- Đối với các dự án khởi công mới: Các dự án khởi công mới được giao kế hoạch vốn ngay từ đầu năm phải hoàn chỉnh việc lựa chọn nhà thầu, khởi công chậm nhất trong quý II năm 2021, các dự án được giao vốn trong năm phải triển khai khởi công chậm nhất trong quý III năm 2021.

- Chỉ đạo các Chủ đầu tư tăng cường công tác nghiệm thu từng giai đoạn dự án để giải ngân vốn kịp thời khi có khối lượng hoàn thành, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 04 ngày kể từ ngày có khối lượng được nghiệm thu làm thủ tục ngay để thanh toán với Kho bạc Nhà nước, không để dồn việc thanh toán khối lượng hoàn thành tập trung vào cuối năm.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT; Tài chính;
- Kho bạc NN Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các Phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, THbha75.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh



PHỤ LỤC

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021



Kiểm theo Báo cáo số 40 /BC-UBND ngày 07/3/2021 của UBND tỉnh Quang Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên mục	Kế hoạch vốn năm 2021		Giải ngân đến ngày 28/02/2021				Ước giải ngân đến ngày 31/3/2021				Ghi chú
		Tổng số	KHV đã phân khai	Giá trị	Tỷ lệ (%)		Giá trị	Tỷ lệ (%)				
					So với tổng KHV	So với KHV đã phân khai		So với tổng KHV	So với KHV đã phân khai			
Tổng cộng												
A	Ngân sách địa phương	5.194.476	4.103.059	262.547	5,1	6,4	806.030	15,5	19,6			
I	Vốn XD/CB tập trung của tỉnh	4.197.330	3.295.913	223.575	5,3	6,8	569.058	13,6	17,3			
1	Phân cấp các địa phương	1.485.330	1.232.979	214.681	14,5	17,4	284.898	19,2	23,1			
2	Hoàn trả ứng trước và trả nợ ngân sách	297.000	297.000	22.832	7,7	7,7	33.561	11,3	11,3			
3	Đối ứng ODA	162.330	162.330	39.874	24,6	24,6	49.835	30,7	30,7			
4	Vốn đối ứng của tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	40.000	40.000	67	0,2	0,2	3.720	9,3	9,3			
	- Chương trình Nông thôn mới	160.000	140.000	69.092	43,2	49,4	75.040	46,9	53,6			
	- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	140.000	140.000	69.092	49,4	49,4	75.040	53,6	53,6			
5	Trả nợ quyết toán	30.000	11.249	359	1,2	3,2	8.500	28	76			
6	Vốn thực hiện chính sách thu hút đầu tư	10.000										
7	Chuẩn bị đầu tư	10.000	1.400				364	4	26			
8	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025	360.000	360.000	75.667	21,0	21,0	105.480	29,3	29,3			
9	Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi	15.000										
10	Dự án khởi công mới	401.000	221.000	6.790	1,7	3,1	8.398	2,1	3,8			
II Vốn Xổ số kiến thiết												
1	Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	72.000	40.000									
2	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025	40.000	2.022.934	8.894	0,3	0,4	6.800	17,0	17,0			
III Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất												
1	Bổ trợ thực hiện dự án khai thác quỹ đất tỉnh quản lý	2.600.000	1.148.934	8.894	0,5	0,8	277.359	10,7	13,7			
	- Các dự án quỹ đất đang thực hiện	200.000	37.934				7.207	3,6	19,0			
	- Bổ sung bố trí cho các DA đang DT từ nguồn XD/CB tập trung	1.526.000	1.111.000	8.894	0,6	0,8	188.870	12,4	17,0			
2	Giao huyện, thành phố Thu - Chi	874.000	874.000				81.282	9,3	9,3			
B Vốn ngân sách Trung ương												
I	Vốn trong nước	997.146	807.146	38.972	3,9	4,8	236.972	23,8	29,4			
1	Hoàn trả ứng trước NSTW	840.820	650.820	38.972	4,6	6,0	228.972	27,2	35,2			
2	Bổ trợ cho các dự án liên vùng	263.910	263.910				170.000	64	64			
3	Phân bổ chi tiết cho các ngành, lĩnh vực	155.000										
II	Vốn nước ngoài	421.910	386.910	38.972	9,2	10,1	58.972	14,0	15,2			
		156.326	156.326				8.000	5,1	5,1			